

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2010 bà (Nguyễn Thị H) và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống xét thấy không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông Nguyễn Văn T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên

bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung có 02 người tên là Nguyễn Trung N (giới tính nam) sinh ngày 01/5/2011 và Nguyễn Trung Q (giới tính nam) sinh ngày 23/7/2013. Hiện nay ông Nguyễn Văn T đang trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung N, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung Q. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Trung Q, giao cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân như thời gian xác lập quan hệ hôn nhân và việc có đăng ký kết hôn cũng như về mâu thuẫn đúng như bà Nguyễn Thị H trình bày. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Về con chung đúng như bà Huệ trình bày, ông thống nhất tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung N, đồng ý giao Nguyễn Trung Q cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn T yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Đại diện chính quyền địa phương xã T, huyện P xác định: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có phát sinh tranh chấp ly hôn. Tuy nhiên về mâu thuẫn như thế nào thì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Về án phí buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2010. Việc kết hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cả hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn.

Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T có văn bản trình bày là đồng ý ly hôn. Từ đó có đủ căn cứ cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Cả hai đương sự cùng thống nhất xác định có 02 người tên là Nguyễn Trung N (giới tính nam) sinh ngày 01/5/2011 và Nguyễn Trung Q (giới tính nam) sinh ngày 23/7/2013. Hiện nay ông Nguyễn Văn T đang trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung N, bà Nguyễn Thị H đang trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung Q. Qua thỏa thuận, bà Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi Nguyễn Trung Q, giao cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trung N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ông Nguyễn Văn T đồng ý với thỏa thuận này, đồng thời sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của người con chung chưa thành niên, phù hợp với quy định Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn Trung.

2. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự như sau: Giao Nguyễn Trung N (giới tính nam) sinh ngày 01/5/2011 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Trung Q (giới tính nam) sinh ngày 23/7/2013 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Trung N, Nguyễn Trung Q đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí tại

biên lai thu tiền số 0019304, ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay được chuyển thu, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước